

Bản án số: 47/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 15 - 12 - 2020

V/v “*Tranh chấp ly hôn, chia tài sản khi ly hôn*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

**- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hiền

*Các Thẩm phán:* Ông Dương Hùng Quang

Ông Ninh Quang Thế

**- *Thư ký phiên tòa:*** Ông Bùi Thanh Khuyên, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

**- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:*** Ông Hữu Duy Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2020/TLPT-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2020 về việc “*Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn*”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 82/2020/HNGĐ-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện U bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 35/2020/QĐXX-PT ngày 19 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Kim T, sinh năm 1968 (có mặt)

Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn U, huyện U, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn U, huyện U, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng chính sách xã hội – Đại diện theo pháp luật: Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện U, tỉnh Cà Mau (xin vắng).

Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn U, huyện U, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn K - Bị đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn, bà Huỳnh Kim T trình bày:*

- Về hôn nhân: Bà T và ông K chung sống từ năm 1992, đến năm 2010 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn U, huyện U. Trong thời gian chung

sống thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng trong cuộc sống hàng ngày nên có xảy ra cự cãi, ông K hay ghen tuông và thường uống rượu về chửi mắng, đánh đập bà, không chăm lo gia đình. Bà T thấy không còn hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với ông K.

- Về con chung: Có 04 người, tên Nguyễn Tuyết M, sinh năm 1993; Nguyễn Tuyết M1, sinh năm 1995; Nguyễn Hữu K, sinh năm 1998; Nguyễn Thúy A, sinh năm 2000, các con đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Có diện tích đất 11.600m<sup>2</sup>, tại khóm 3, thị trấn U, huyện U, bà T yêu cầu chia theo pháp luật. Trên phần đất có căn nhà của bà T và ông K, bà T để lại cho ông K quản lý, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Vay Ngân hàng chính sách xã hội huyện U số tiền 10.000.000 đồng, bà T yêu cầu ông K trả.

*Bị đơn, ông Nguyễn Văn K trình bày:*

- Về hôn nhân: Ông K và bà T chung sống vào năm 1995, có đăng ký kết hôn, riêng về mâu thuẫn là không đúng, lúc ông bị bệnh bà T bỏ mặc, không chăm sóc, không lo cho ông mà bỏ đi, ông phải tự lo chữa trị, ông K đồng ý ly hôn với bà T.

- Về con chung: Có 04 người như trình bày của bà T, các con đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản: Có diện tích đất 11.600 m<sup>2</sup>, tại khóm 3, thị trấn U, huyện U là đất riêng của ông, do cha ông (cụ Nguyễn Văn Hường đã chết) cho riêng ông từ năm 1994, đến năm 1999 cụ Hường làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông K đứng tên nhưng đến năm 2002 cụ Hường mới làm giấy di chúc cho ông. Ông K không đồng ý yêu cầu của bà T chia phần đất. Phần đất hiện nay ông K cho ông Nguyễn Hoàng Khải thuê 03 năm từ ngày 01/02/2020 âm lịch, không xảy ra tranh chấp với ông Khải. Trên phần đất có căn nhà của vợ chồng ông, ông K không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện U số tiền lúc vay là 10.000.000 đồng và có trả theo định kỳ, số tiền còn lại ông tự nguyện trả phần tiền vay cho Ngân hàng.

*Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện U trình bày:*

Ông Nguyễn Văn K và bà Huỳnh Kim T vay vốn tiền tại Ngân hàng 10.000.000 đồng, vào ngày 19/01/2020, thời hạn trả nợ đến ngày 19/01/2025, tính đến ngày 03/8/2020 ông K, bà T còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 8.500.000 đồng và tiền lãi là 28.818 đồng, tổng cộng là 8.528.818 đồng, Ngân hàng yêu cầu ông K bà T trả tiền dứt điểm khi ly hôn.

*Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 82/2020/HNGĐ-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện U đã quyết định:*

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 220; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 33; Điều 37; Điều 53; Điều 54; Điều 56; Điều 59; Điều 62 Luật Hôn

nhân và Gia đình; Điều 147; Điều 158 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 466 Bộ luật dân sự; Điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Huỳnh Kim T với ông Nguyễn Văn K.
- Về con chung: Không xem xét.
- Về tài sản chung:

+ Ông Nguyễn Văn K được chia phần đất có tổng diện tích là 6.852,3m<sup>2</sup>, đất tại khóm 3, thị trấn U, huyện U, tỉnh Cà Mau, đất do ông Nguyễn Văn K đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần đất ông K được chia, ông K đang quản lý, ông K tiếp tục quản lý.

+ Bà Huỳnh Kim T được chia phần đất có tổng diện tích là 6.817,3m<sup>2</sup>, đất tại khóm 3, thị trấn U, huyện U, tỉnh Cà Mau, đất do ông Nguyễn Văn K đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần đất chia cho bà T, ông K đang quản lý, buộc ông K giao phần đất này lại cho bà T.

- Về nợ chung: Buộc ông Nguyễn Văn K trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện U, tính đến thời điểm ngày 03/8/2020 số tiền gốc là 8.500.000 đồng và tiền lãi là 28.818 đồng, tổng cộng là 8.528.818 đồng và lãi phát sinh sau ngày 03/8/2020 đến khi trả xong khoản tiền vay.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 08/10/2020 bị đơn là ông Nguyễn Văn K có đơn kháng đối với bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu K kiện của bà T về chia quyền sử dụng đất.

Tại phiên tòa:

Ông K thay đổi nội dung kháng cáo, yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng tặng cho con trai của ông K, bà T tên Nguyễn Hữu Ktoàn bộ phần đất có diện tích 11.600m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế 13.669,6m<sup>2</sup>) do ông Nguyễn Văn K đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Bà T đồng ý với toàn bộ ý kiến của ông K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận sự thỏa thuận tại phiên tòa giữa ông K, bà T cho con ruột tên Ktoàn bộ phần đất.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện U, có đơn xin vắng, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt Ngân hàng. Đối với ông Nguyễn Hoàng K là người thuê quyền sử dụng đất của ông K không đặt ra yêu cầu giải quyết trong vụ án này vì giữa ông với ông K tự thỏa thuận với nhau.

[2] Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 82/2020/HNGĐ-ST ngày 29/9/2020 quyết định: Cho ly hôn giữa bà Huỳnh Kim T với ông Nguyễn Văn K; Về tài sản: Ông K được chia phần đất tổng diện tích là 6.852,3m<sup>2</sup>; bà T được chia phần đất tổng diện tích là 6.817,3m<sup>2</sup>; Về nợ chung: ông K trả nợ Ngân hàng số tiền gốc là 8.500.000 đồng và tiền lãi là 28.818 đồng. Ông K kháng cáo yêu cầu sửa án một phần bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất với diện tích theo đo đạc thực tế 13.669,6m<sup>2</sup>, vì toàn bộ diện tích đất là tài sản riêng của ông K.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông K thay đổi nội dung kháng cáo, yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng tặng cho con trai của ông K, bà T tên Nguyễn Hữu K toàn bộ phần đất có diện tích 11.600m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế 13.669,6m<sup>2</sup>) do ông Nguyễn Văn K đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Bà T đồng ý với toàn bộ ý kiến của ông K. Nhận thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Căn cứ Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa ông K, bà T: Tặng cho con trai tên Nguyễn Hữu K toàn bộ phần đất có diện tích 11.600m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế 13.669,6m<sup>2</sup>) thuộc tờ bản đồ số 02, số thửa 0224 cấp ngày 09/3/1999 tọa lạc khóm 3, thị trấn U, huyện U, tỉnh Cà Mau do ông Nguyễn Văn K đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo sơ đồ vị trí thửa đất đo đạc năm 2020 thì thửa số 240 tờ bản đồ số 7 (BDĐC 2912). Vị trí thửa đất được thể hiện tại Sơ đồ thửa đất đo đạc thực tế (bút lục 107).

[3] Từ nội dung trên, sửa một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 82/2020/HNGĐ-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện U. Chấp nhận kháng cáo của ông K, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Ngoài ra, cấp sơ thẩm còn có thiếu sót là không tuyên ông K phải chịu lãi suất chậm T toán cho bà T theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật tố tụng dân sự, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa được chấp nhận.

[5] Án phí phúc thẩm ông K phải chịu, đã dự nộp được chuyển thu.

[6] Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Điều 300, Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn K; sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 82/2020/HNGĐ-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh Cà Mau.

*Tuyên xử:*

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Huỳnh Kim T với ông Nguyễn Văn K.
2. Về con chung: Không xem xét.
3. Về tài sản chung

Công nhận sự thỏa thuận của ông Nguyễn Văn K và bà Huỳnh Kim T với nội dung: Tặng cho con chung của ông K, bà T tên Nguyễn Hữu K, sinh năm 1998 toàn bộ phần đất có diện tích 11.600m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế 13.669,6m<sup>2</sup>) thuộc tờ bản đồ số 02, số thửa 0224 cấp ngày 09/3/1999 tọa lạc khóm 3, thị trấn U, huyện U, tỉnh Cà Mau do ông Nguyễn Văn K đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vị trí thửa đất đo đạc thực tế năm 2020 thì phần đất thuộc thửa số 240, tờ bản đồ số 7 (BDĐC 2012). [Kèm theo sơ đồ thửa đất đo đạc thực tế (bút lục 107)].

Ông Nguyễn Văn K, bà Huỳnh Kim T và Nguyễn Hữu K liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để lập thủ tục chuyển tên quyền sử dụng đất cho Nguyễn Hữu K.

4. Về nợ chung: Buộc ông Nguyễn Văn K trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện U, tính đến thời điểm ngày 03/8/2020 số tiền gốc là 8.500.000 đồng và tiền lãi là 28.818 đồng, tổng cộng là 8.528.818 (*Tám triệu năm trăm hai mươi tám nghìn tám trăm mười tám*) đồng và lãi phát sinh sau ngày 03/8/2020 đến khi trả xong khoản tiền vay.

5. Về án phí

5.1. Án phí sơ thẩm

+ Bà Huỳnh Kim T phải chịu án phí hôn nhân và đình sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng và án phí có giá ngạch với số tiền 13.634.600 đồng, tổng cộng là 13.934.600 đồng, bà T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 3.200.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004239 ngày 01/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U được đối trừ chuyển thu, bà T phải nộp tiếp số tiền 10.734.600 (*Mười triệu bảy trăm ba mươi bốn nghìn sáu trăm*) đồng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

+ Ông Nguyễn Văn K không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; ông K phải chịu án phí có giá ngạch với số tiền 14.131.040 (*mười bốn triệu một trăm ba mươi một nghìn không trăm bốn mươi*) đồng, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

5.2. Án phí phúc thẩm ông K phải chịu, đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai số 0005225 ngày 08/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U được chuyển thu.

6. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: số tiền 3.671.000 đồng bà Huỳnh Kim T phải chịu 1.835.500 (*Một triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn năm trăm*)

đồng, ông Nguyễn Văn K phải chịu 1.835.500 (Một triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn năm trăm) đồng, bà T đã nộp đủ. Buộc ông K trả lại cho bà T số tiền 1.835.500 đồng, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp ông K chậm T toán khoản tiền trên cho bà T thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật tố tụng dân sự.

7. Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.*

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện U;
- Chi cục THADS huyện U;
- UBND thị trấn U;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hiền**